TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HS - ST
Ngày 18 tháng 11 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái - Giáo viên nghỉ hưu

2. Bà Lê Thị Bích Thuần - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2021/TLST - HS ngày 28/10/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST - HS ngày 08/11/2021, đối với bị cáo:

Trần Đức T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/8/2003 tại xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn ST, xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức B, sinh năm 1980 và bà Vũ Thúy H, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại nơi cư trú "có mặt".

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Trần Đức B, sinh năm 1980 và bà Vũ Thúy H, sinh năm 1981 (Là bố mẹ của bị cáo T); Đều cư trú: Thôn ST, xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang "đều có mặt".

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn TP, xã NĐ, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2003 (tính đến ngày phạm tội 17 tuổi 11 tháng 12 ngày) ở thôn ST, xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang là công nhân thời vụ của Công ty TNHH A ở Khu công nghiệp BT, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 14/7/2021 sau khi tan ca làm đêm ở Công ty TNHH A, T đi vào trong khu để đồ cá nhân của công nhân của Công ty. Quan sát xung quanh không thấy có người, T tìm các ngăn tủ không có khóa, lục tìm tài sản để trộm cắp nhưng không lấy được gì. T tiếp tục đến ngăn tủ số 122 của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 ở thôn TP, xã NĐ, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc thì thấy ngăn tủ của anhH1 có khóa ngoài, góc trên bên trái của cánh cửa ngăn tủ bị cong vênh có khe hở nhỏ nên T dùng tay kéo cánh cửa tủ để tạo khe hở to hơn rồi T đưa tay vào ngăn tủ lục tìm thì lấy được một chiếc ví giả da của anh H1. T lén lút mở ví lấy được số tiền 2.600.000 đồng của anh H1 và cầm đúc vào túi quần đang mặc trên người rồi cất ví của anh H1 vào bên trong ngăn tủ. Sau đó, T đi bộ về phòng trọ ở xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc cất giấu số tiền trộm cắp được trên mặt tường nhà vệ sinh. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, anh H1 tan ca làm việc ở Công ty TNHH A đi xuống ngăn tủ để đồ của mình thì thấy cánh cửa ngăn tủ phía bên trái bị bẻ cong ra ngoài, kiểm tra đồ cá nhân thì phát hiện bị mất số tiền 2.600.000 đồng để ở trong ví của mình. Sau đó, anh H1 báo sự việc lên lãnh đạo Công ty đồng thời làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên. Qua rà soát hệ thống camera, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập T lên làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Đức T khai nhận T bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình và giao nộp lại số tiền 2.600.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để phục vụ điều tra.

Đối với số tiền 2.600.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của T là tiền T trộm cắp của anh Nguyễn Văn H. Ngày 10/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền này cho anh H1. Sau khi nhận lại số tiền bị trộm cắp, anh H1 không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với tủ đồ cá nhân số 122 của Công ty TNHH A, quá trình điều tra đại diện Công ty TNHH A không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

Cáo trạng số 131/CT - VKSBX ngày 26/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Trần Đức T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức T đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên đã truy tố, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên phát biểu luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 06 (Sáu) tháng tù đến 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm đến đến 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Đức T cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị hại anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra xác nhận đã nhận lại tài sản mà bị cáo T trộm cắp. Sau khi nhận lại tài sản anh Nguyễn Văn H không có yêu cầu đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Đức T thừa nhận T bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 14/7/2021, tại khu vực để tủ đồ cá nhân tại Công ty TNHH A ở Khu công nghiệp BT, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Đức T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2003 (17 tuổi 11 tháng 12 ngày) ở thôn ST, xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang đã lén lút trộm cắp số tiền 2.600.000 đồng ở trong ví giả da để trong ngăn tủ số 122 của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2002 ở thôn TP, xã NĐ, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, đơn trình báo, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận

hành vi của Trần Đức Tđã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản"; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Trần Đức T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nhưng vì lợi ích của bản thân đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Trần Đức Tkhông phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn (2.600.000 đồng) và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (17 tuổi 11 tháng 12 ngày), hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bản thân bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 2.600.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ của T là tiền T trộm cắp của anh Nguyễn Văn H. Ngày 10/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền này cho anh H1. Sau khi nhận lại số tiền bị trộm cắp, anh H1 không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với tủ đồ cá nhân số 122 của Công ty TNHH A, quá trình điều tra đại diện công ty TNHH A không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91, và Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt:

Bị cáo Trần Đức T 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đức T cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện BX;
- CQĐT - CA huyện BX;
- CQCSTHAHS-CA huyện BX;
- Chi cục THADS huyện BX;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP, THAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Mai